



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 4103005552 ngày 15 tháng 11 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số 4103005552 ngày 14 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh 23/UBCK-GPHDKD ngày 1 tháng 12 năm 2006
Chứng khoán số 869/QĐ-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2006
376/QĐ-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2007
491/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2007
86/UBCK-GPDCCTCK ngày 2 tháng 11 năm 2007
730/QĐ-UBCK ngày 10 tháng 11 năm 2007
653/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2007
190/QĐ-UBCK ngày 17 tháng 3 năm 2008
515/QĐ-UBCK ngày 6 tháng 8 năm 2008
153/UBCK-GP ngày 5 tháng 9 năm 2008
185/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2009
234/UBCK-GP ngày 28 tháng 4 năm 2009
293/UBCK-GP ngày 12 tháng 1 năm 2010

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị Ông Ting Kwang – Chin Albert Chủ tịch
Bà Trần Thị Quỳnh Mai Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Mai Thành viên
Ông Chang Hsiao – Wei Harvey Thành viên

Tổng Giám đốc Ông Cheng Chang Chong

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Lầu 5, Tòa nhà Lawrence S.Ting
Số 801 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Tú Xương Số 8 Tú Xương
Phường 7, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Đồng Khởi Số 2 Đồng Khởi
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội 3B Đặng Thái Thân
Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng Tầng 2 – 18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

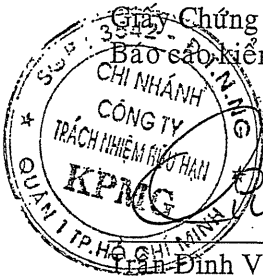
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Bảo số kiểm toán số: 09-01-175



Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Võ Thanh Phú Quốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số N1079/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 24 FEB 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		423.138.224.678	67.294.784.229
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	253.724.180.373	40.406.536.721
Tiền	111		62.214.805.373	14.837.522.903
Các khoản tương đương tiền	112		191.509.375.000	25.569.013.818
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.493.399.531	18.181.629.114
Đầu tư ngắn hạn	121	5	6.025.747.798	23.652.156.415
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5	(532.348.267)	(5.470.527.301)
III. Các khoản phải thu – ngắn hạn	130		160.369.769.115	6.573.898.707
Phải thu từ khách hàng	131		9.242.500	65.324.120
Trả trước cho người bán	132		2.004.021.667	141.427.894
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	155.655.559.344	6.155.782.701
Các khoản phải thu khác	138	7	2.700.945.604	811.594.312
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	-	(600.230.320)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.550.875.659	2.132.719.687
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.105.313.958	1.756.108.105
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		36.813.000	36.813.000
Tài sản ngắn hạn khác	158		408.748.701	339.798.582
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.050.766.094	31.899.367.614
II. Tài sản cố định	220		25.454.930.139	21.840.932.514
Tài sản cố định hữu hình	221	8	19.761.786.240	15.027.331.659
<i>Nguyên giá</i>	222		26.773.193.680	18.230.563.526
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(7.011.407.440)	(3.203.231.867)
Tài sản cố định vô hình	227	9	5.693.143.899	3.994.662.855
<i>Nguyên giá</i>	228		6.915.303.475	4.346.374.695
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(1.222.159.576)	(351.711.840)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	-	2.818.938.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.096.240.000	6.400.000.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5	18.895.775.079	13.900.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5	(7.799.535.079)	(7.500.000.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.499.595.955	3.658.435.100
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	743.132.426	702.530.804
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	8.266.480.372	-
Tài sản dài hạn khác	268	13	4.489.983.157	2.955.904.296
TỔNG TÀI SẢN	270		473.188.990.772	99.194.151.843
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		363.282.115.160	37.290.055.120
I. Nợ ngắn hạn	310		362.967.777.045	37.152.891.120
Phải trả người bán	312		79.481.649	1.752.869.256
Người mua trả tiền trước	313		181.277.500	450.100.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	144.783.417	126.019.101
Chi phí phải trả	316	15	2.863.851.602	1.601.648.108
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	189.867.031.954	32.720.423.611
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		3.415.580.056	419.215.044
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	17	166.415.770.867	82.616.000
II. Nợ dài hạn	330		314.338.115	137.164.000
Phải trả dài hạn khác	333		123.108.000	70.308.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		191.230.115	66.856.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.906.875.612	61.904.096.723
I. Vốn chủ sở hữu	410		109.906.875.612	61.904.096.723
Vốn cổ phần	411	18	135.000.000.000	100.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	651.892.806	1.754.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	419	19	651.892.806	1.754.000
Lỗi lũy kế	420		(26.396.910.000)	(38.099.411.277)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		473.188.990.772	99.194.151.843

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
6. Chứng khoán lưu ký			
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của các khách hàng trong nước	009	331.731.620.000	168.702.990.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của các khách hàng nước ngoài	010	27.103.070.000	13.302.580.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của các khách hàng trong nước	014	5.518.160.000	2.617.180.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của các khách hàng trong nước	019	3.704.720.000	5.767.210.000

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc

24 FEB 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Doanh thu	01		62.745.381.190	20.645.332.245
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		33.327.838.621	8.728.906.719
Doanh thu đầu tư chứng khoán	01.2		13.045.931.171	4.632.989.435
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		1.100.000	7.037.400
Doanh thu tư vấn đầu tư	01.5		333.760.000	680.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.100.000	33.827.675
Doanh thu khác	01.9	20	16.032.651.398	6.562.571.016
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(13.261.000)
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		62.745.381.190	20.632.071.245
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	21	(39.245.496.475)	(38.527.795.647)
Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh	20		23.499.884.715	(17.895.724.402)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	(19.785.924.630)	(21.037.779.002)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.713.960.085	(38.933.503.404)
Thu nhập khác	31		1.046.693.175	808.653.090
Chi phí khác	32		(24.354.743)	(6.133.000)
Lợi nhuận khác	40		1.022.338.432	802.520.090
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		4.736.298.517	(38.130.983.314)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	23	8.266.480.372	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	60		13.002.778.889	(38.130.983.314)
Lãi trên cổ phiếu	70	24		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu			1.054	(5.720)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu			451	(5.720)

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc

24 FEB 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

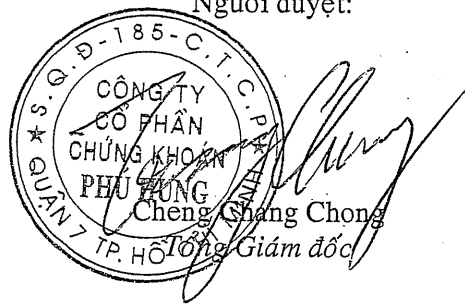
	Vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	50.000.000.000	1.754.000	1.754.000	31.572.037	50.035.080.037
Phát hành vốn cổ phần	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(38.130.983.314)	(38.130.983.314)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	100.000.000.000	1.754.000	1.754.000	(38.099.411.277)	61.904.096.723
Phát hành vốn cổ phần	35.000.000.000	-	-	-	35.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.002.778.889	13.002.778.889
Chuyển sang các quỹ	-	650.138.806	650.138.806	(1.300.277.612)	-
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	135.000.000.000	651.892.806	651.892.806	(26.396.910.000)	109.906.875.612

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



24 FEB 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	Mã số	2009 VNĐ	2008 VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	4.736.298.517	(38.130.983.314)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	5.436.313.196	6.368.545.569
Các khoản dự phòng	03	(4.795.965.524)	13.241.357.621
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(4.731.368.061)	(866.264.954)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(16.032.651.398)	(6.562.571.016)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(15.387.373.270)	(25.949.916.094)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(154.359.781.950)	8.607.419.054
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	325.992.060.040	(19.245.742.689)
Biến động các khoản trả trước và ký quỹ	12	(2.313.666.413)	(1.256.440.084)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20	153.931.238.407	(37.844.679.813)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Chi mua tài sản cố định	21	(8.335.679.634)	(13.231.227.409)
Thu từ thanh lý đầu tư	24	201.199.220.715	44.215.918.299
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25	(183.812.864.373)	(64.165.130.000)
Lãi tiền gửi đã nhận	27	15.335.728.537	6.935.744.000
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư	50	24.386.405.245	(26.244.695.110)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

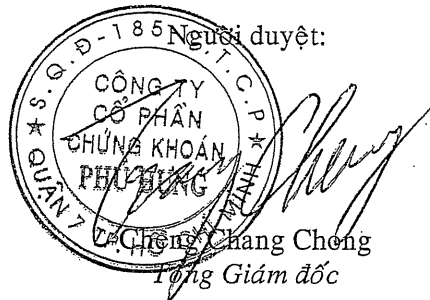
	Mã số	2009 VNĐ	2008 VNĐ
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	35.000.000.000	50.000.000.000
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	50	35.000.000.000	50.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60	213.317.643.652	(14.089.374.923)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	61	40.406.536.721	54.495.911.644
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	253.724.180.373	40.406.536.721

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thùy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Văn Chàng Chàng
 Tổng Giám đốc

24 FEB 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc) (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005552 ngày 15 tháng 11 năm 2006 và được điều chỉnh ngày 14 tháng 12 năm 2006. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, các hoạt động kinh doanh chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán số 23/UBCK-GPHDKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp và được điều chỉnh ngày 29 tháng 12 năm 2006, ngày 22 tháng 6 năm 2007, ngày 30 tháng 8 năm 2007, ngày 2 tháng 11 năm 2007, ngày 10 tháng 11 năm 2007, ngày 26 tháng 11 năm 2007, ngày 17 tháng 3 năm 2008, ngày 6 tháng 8 năm 2008, ngày 5 tháng 9 năm 2008, ngày 25 tháng 1 năm 2009, ngày 28 tháng 4 năm 2009 và ngày 12 tháng 1 năm 2010 (sau đây được gọi chung là “Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty có 281 nhân viên (2008: 155 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam, được lập theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận. Năm trước, các báo cáo tài chính được lập theo Quyết Định 99/2000/QĐ-BTC do Bộ Tài chính Ban hành ngày 13 tháng 6 năm 2000. Tham khảo Thuyết minh 29 về việc phân loại lại các số liệu so sánh.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(e) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư dài hạn sẽ được dự định giữ hơn một năm mặc dù thời gian thực sự giữ lại có thể dài hơn hoặc ngắn hơn phụ thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư và các trường hợp khác.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại và các chứng khoán đầu tư dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (ngày giao dịch).

(iii) Đánh giá

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán tham khảo theo giá thị trường của các chứng khoán tại các Sở Giao dịch Chứng khoán.

Nguyên giá của chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư dài hạn chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá thị trường trên Sàn Giao dịch Chứng khoán OTC (Sàn OTC).

Đối với chứng khoán đầu tư dài hạn không được tự do mua bán trên thị trường, Ban Giám đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các luồng lưu chuyển tiền tệ tương lai.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được đề cập như trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không được làm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư trở lên vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu nợ khó đòi.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------|-----------|
| ▪ nâng cấp văn phòng | 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 5 - 7 năm |
| ▪ đồ đạc | 3 - 5 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình chủ yếu bao gồm phần mềm vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và phần mềm vi tính chưa được lắp đặt xong và chưa đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ đối với chi phí thành lập và chi phí cho các hoạt động khuyến mãi, quảng cáo và đào tạo phát sinh trong giai đoạn từ ngày thành lập Công ty đến ngày bắt đầu hoạt động thương mại. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động chính thức.

Chi phí thành lập và chi phí cho các hoạt động khuyến mãi, quảng cáo và đào tạo phát sinh khi thành lập các chi nhánh mới cũng được ghi nhận như khoản trả trước dài hạn được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong ba năm kể từ ngày các chi nhánh bắt đầu hoạt động chính thức.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được hạch toán theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(n) Quỹ dự trữ pháp định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được lập theo quy định của pháp luật và không được phép phân phối.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu từ môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu từ đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành các giao dịch tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc thực hiện.

(iv) Doanh thu từ vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng và các khoản tạm ứng cho khách hàng. Doanh thu về vốn kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động như một bộ phận.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(t) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã đóng 80.850.800 VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	732.913	91.315.126
Tiền gửi ngân hàng	62.214.072.460	14.746.207.777
Các khoản tương đương tiền	191.509.375.000	25.569.013.818
	253.724.180.373	40.406.536.721

Không có tiền và các khoản tương đương tiền khác VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: Không).

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa Công ty chứng khoán		
Cổ phiếu	7.699.050	368.505.668.000
Trái phiếu	119.000	11.909.969.000
b) Cửa nhà đầu tư		
Cổ phiếu	150.684.940	11.517.883.658.000
Trái phiếu	119.000	11.909.969.000
Chứng khoán khác	125.769	1.540.262.900
	158.747.759	11.911.749.526.900

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

5. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các chứng khoán được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán VNĐ	So sánh với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường VNĐ
			Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	
I. Chứng khoán thương mại	152.613	6.025.747.798	360.839.770	(532.348.267)	5.854.239.301
II. Chứng khoán đầu tư					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	479.420	18.895.775.079	-	(7.799.535.079)	11.096.240.000
	632.033	24.921.522.877	360.839.770	(8.331.883.346)	16.950.479.301

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	5.470.527.301	329.400.000
Tăng dự phòng trong năm	532.348.267	5.141.127.301
Hoàn nhập	(5.470.527.301)	-
Số dư cuối năm	532.348.267	5.470.527.301

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	7.500.000.000	-
Tăng dự phòng trong năm	958.532.385	7.500.000.000
Hoàn nhập	(658.997.306)	-
Số dư cuối năm	7.799.535.079	7.500.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

6. Phải thu từ các hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Phải thu từ Sở Giao dịch Chứng khoán	25.239.875.000	2.565.925.000
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán	129.906.106.401	3.589.857.701
Phải thu khác	509.577.943	-
	155.655.559.344	6.155.782.701

Các khoản tạm ứng cho khách hàng không được đảm bảo, hưởng lãi suất ngày từ 0,03% đến 0,05% và có thời hạn từ 1 ngày đến 60 ngày.

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Phải thu lãi tiền gửi	696.922.861	-
Phải thu từ nhân viên	1.413.325.869	690.647.500
Phải thu khác	590.696.874	120.946.812
	2.700.945.604	811.594.312

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	600.230.320	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(442.909.751)	600.230.320
Hoàn nhập	(157.321.569)	-
	-	600.230.320

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Đồ đạc VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.165.872.713	12.499.067.444	565.623.369	18.230.563.526
Tăng trong năm	2.678.093.880	4.032.594.974	-	6.710.688.854
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.536.441.076	338.558.924	-	1.875.000.000
Thanh lý	-	(20.265.300)	-	(20.265.300)
Xóa sổ	-	(22.793.400)	-	(22.793.400)
Số dư cuối năm	9.380.407.669	16.827.162.642	565.623.369	26.773.193.680
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	801.630.066	2.235.476.006	166.125.795	3.203.231.867
Khấu hao trong năm	1.112.404.035	2.601.866.680	112.608.815	3.826.879.530
Thanh lý	-	(10.522.953)	-	(10.522.953)
Xóa sổ	-	(8.181.004)	-	(8.181.004)
Số dư cuối năm	1.914.034.101	4.818.638.729	278.734.610	7.011.407.440
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	7.466.373.568	12.008.523.913	286.888.759	19.761.786.240
Số dư đầu năm	4.364.242.647	10.263.591.438	399.497.574	15.027.331.659

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.346.374.695
Tăng trong năm	1.624.990.780
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	943.938.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.915.303.475
	<hr/>
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	351.711.840
Phân bổ trong năm	870.447.736
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.222.159.576
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	5.693.143.899
Số dư đầu năm	3.994.662.855
	<hr/> <hr/>

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	2.818.938.000	-
Tăng trong năm	-	2.818.938.000
Chuyển sang tài sản cố định	(2.818.938.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	2.818.938.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VNĐ	Chi phí trả trước dài hạn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	580.935.512	121.595.292	702.530.804
Tăng trong năm	-	779.587.552	779.587.552
Phân bổ trong năm	(580.935.512)	(158.050.418)	(738.985.930)
Số dư cuối năm	-	743.132.426	743.132.426

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại phân bổ đối với khoản mục sau:

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	8.266.480.372	-

13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (i)	772.010.002	462.847.807
Ký quỹ dài hạn	3.717.973.155	2.493.056.489
	4.489.983.157	2.955.904.296

(i) Khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại các Sở Giao dịch Chứng khoán. Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005, do Bộ Tài chính ban hành, yêu cầu Công ty phải ký quỹ khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán giao dịch và môi giới của năm trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	462.847.807	120.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	295.813.599	338.084.351
Tiền lãi trong năm	13.348.596	4.763.456
	<hr/>	<hr/>
	772.010.002	462.847.807
	<hr/>	<hr/>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân	144.783.417	126.019.101
	<hr/>	<hr/>

15. Chi phí phải trả

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	1.331.010.825	962.654.829
Chi phí tư vấn	156.000.000	226.980.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	364.745.418	35.289.086
Chi phí thuê	190.788.048	113.620.989
Tiền hoa hồng	181.314.900	36.440.764
Chi phí khác	639.992.411	226.662.440
	<hr/>	<hr/>
	2.863.851.602	1.601.648.108
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

16. Phải trả cho các hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	117.601.463.421	10.032.597.622
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (i)	72.265.568.533	22.687.825.989
	189.867.031.954	32.720.423.611

(i) Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng phản ánh khoản tiền gửi của khách hàng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán.

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền nhận từ các cổ đông mua cổ phần (*)	165.000.000.000	-
Phải thu khách hàng từ việc mua hộ chứng khoán	1.319.200.000	-
Cổ tức phải trả	-	24.500.000
Phải trả khác	96.570.867	58.116.000
	166.415.770.867	82.616.000

(*) Đây là khoản tiền nhận từ các cổ đông hiện hữu và cổ đông mới cho việc mua cổ phiếu sẽ phát hành. Xem Thuyết minh 27 về sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	13.500.000	135.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	100.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	35.000.000.000	50.000.000.000
Số dư cuối năm	135.000.000.000	100.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các cổ đông của Công ty như sau:

	Số lượng cổ phiếu	%
CX Technology (Cayman) Corporation	66.150.000.000	49,0%
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Quang Huy	32.850.000.000	24,3%
Bà Trần Thị Quỳnh Mai	16.100.000.000	11,9%
Bà Nguyễn Hồng Mai	7.500.000.000	5,6%
Các cổ đông khác	12.400.000.000	9,2%
	135.000.000.000	100%

Tham khảo Thuyết minh 27 về sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

19. Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, công ty phải thực hiện việc phân bổ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ này được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ dự trữ này là bổ sung vào vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
------------------------	-----------------------	-----------------

Mục đích của quỹ dự phòng tài chính là nhằm bù đắp các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự trữ này cũng như quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phân phối.

20. Doanh thu khác

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lãi tiền gửi từ		
▪ Tiền gửi tại ngân hàng	10.843.573.519	6.022.270.516
▪ Cho cổ đông vay	-	25.497.973
▪ Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	5.183.994.509	514.802.527
▪ Doanh thu khác	5.083.370	-
	<hr/>	<hr/>
	16.032.651.398	6.562.571.016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

21. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	3.611.284.081	1.268.876.560
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	(4.938.179.034)	5.141.127.301
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	299.535.079	7.500.000.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	7.825.020.299	4.436.589.462
Chi phí lưu ký chứng khoán	115.790.853	64.897.524
Chi phí nhân sự trực tiếp	10.740.345.083	5.922.975.531
Chi phí hoa hồng	2.277.859.944	444.416.393
Chi phí công cụ và dụng cụ	301.900.439	170.844.291
Khấu hao tài sản cố định	3.371.238.761	1.919.686.161
Chi phí thuê văn phòng	7.924.037.479	4.007.181.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.449.618.223	5.390.413.635
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(157.320.569)	600.230.320
Chi phí lãi cho tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	1.323.333.074	977.560.292
Chi phí khác	101.032.763	682.996.449
	<hr/>	<hr/>
	39.245.496.475	38.527.795.647
	<hr/>	<hr/>

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.237.476.684	9.492.874.222
Chi phí thuê văn phòng	3.299.327.826	2.454.504.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.525.032.911	7.302.363.000
Khấu hao tài sản cố định	1.326.088.505	914.159.408
Thuế và lệ phí	127.843.196	111.454.172
Chi phí khác	270.155.508	762.424.200
	<hr/>	<hr/>
	19.785.924.630	21.037.779.002
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Thu nhập thuế hoãn lại		
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(8.266.480.372)	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	4.736.298.517	(38.130.983.314)
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.184.074.629	(9.532.745.829)
Chi phí không được khấu trừ thuế	82.190.828	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(1.266.265.457)	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	-	9.532.745.829
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(8.266.480.372)	-
	(8.266.480.372)	-

(c) Thuế suất áp dụng

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty đã được giảm từ 28% xuống còn 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập.

(d) Lỗ tính thuế mang sang

Lỗ tính thuế sẽ hết hạn trong các năm sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán	Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang VNĐ
2013	Chưa quyết toán	8.266.480.372

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

24. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 13.002.778.889 VNĐ (2008: lỗ 38.130.983.314 VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.333.333 cổ phiếu (2008: 6.666.667 cổ phiếu) được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	13.002.778.889	(38.130.983.314)
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	13.002.778.889	(38.130.983.314)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	10.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	2.333.333	1.666.667
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	12.333.333	6.666.667
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 13.002.778.889 VNĐ (2008: lỗ 38.130.983.314 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng là 28.833.333 (2008: 6.666.667), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông (cơ bản và suy giảm)	13.002.778.889	(38.130.983.314)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	12.333.333	6.666.667
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đợi phê duyệt	16.500.000	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	28.833.333	6.666.667

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Thêm vào số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác các báo cáo tài chính này, trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Cổ đông		
CX Technology (Cayman) Corporation		
Phí môi giới	75.371.697	-
Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	80.850.000.000	-
Bà Nguyễn Hồng Mai		
Thu nhập lãi vay	-	12.875.000
Chi phí thuê	918.416.796	373.997.000
Phí môi giới	11.598.444	-
Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	9.166.670.000	-
Bà Trần Thị Quỳnh Mai		
Thu nhập lãi vay	-	12.623
Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	13.000.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Quang Huy		
Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	34.760.670.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

26. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số dự phòng đã lập
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
1. Phải thu khách hàng	65.324.120	-	1.270.390.652	(1.326.472.272)	9.242.500	-	-
2. Trả trước cho người bán	141.427.894	-	15.347.953.493	(13.485.359.720)	2.004.021.667	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6.155.782.701	-	9.985.864.481.108	(9.836.364.704.465)	155.655.559.344	-	-
4. Phải thu khác	811.594.312	-	230.226.940.884	(228.337.589.592)	2.700.945.604	-	-
5. Dự phòng các khoản nợ khó đòi	(600.230.320)	-	-	600.230.320	-	-	-
	6.573.898.707	-	10.232.709.766.137	(10.078.913.895.729)	160.369.769.115	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Vào ngày 12 tháng 1 năm 2010, Công ty đã được phê duyệt tăng vốn cổ phần từ 135 tỷ VNĐ lên 300 tỷ VNĐ bằng cách phát hành 16,5 triệu cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Tại ngày 1 tháng 2 năm 2010, Công ty có 150 cổ đông. Theo Luật Chứng khoán, hiện tại công ty là một công ty cổ phần đại chúng.

28. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các cam kết vốn chưa quyết toán đã được duyệt nhưng không được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Đã được duyệt và ký hợp đồng	-	125.000.000

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	12.460.232.736	7.283.824.000
Trong vòng hai đến năm năm	17.700.327.401	8.229.520.000
Trên năm năm	717.388.826	867.627.000
	30.877.948.963	16.380.971.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

29. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ	31/12/2008 (đã được trình bày trước đây) VNĐ
Phải thu khách hàng	65.324.120	3.655.181.821
Trả trước cho người bán	141.427.894	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6.155.782.701	-
Phải thu từ Sở Giao dịch Chứng khoán	-	2.565.925.000
Phải thu khác	811.594.312	989.835.206
Thuế và các khoản phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước	36.813.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	339.798.582	-
Tạm ứng	-	334.798.582
Ký quỹ ngắn hạn	-	5.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	702.530.804	-
Tài sản dài hạn khác	2.955.904.296	702.530.804
Ký quỹ dài hạn	-	2.955.904.296
Tạm ứng từ khách hàng	450.100.000	23.137.925.989
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	32.720.423.611	-
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	-	10.032.597.622
Quỹ dự phòng tài chính	1.754.000	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	1.754.000	-
Quỹ dự trữ pháp định	-	3.508.000

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2008 (Phân loại lại) VNĐ	2008 (đã được trình bày trước đây) VNĐ
Doanh thu khác	6.562.571.016	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	-	6.562.571.016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2008 (Phân loại lại)	2008 (đã được trình bày trước đây)
	VNĐ	VNĐ
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	37.844.679.813	36.978.414.859
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	26.244.695.110	27.110.960.064

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Văn Chàng
Tổng Giám đốc

24 FEB 2010